

Số: 35/2018/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2018

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chí xác định và ban hành Danh mục loài ngoại lai xâm hại

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định tiêu chí xác định và ban hành Danh mục loài ngoại lai xâm hại.

Điều 1. Tiêu chí xác định loài ngoại lai xâm hại và loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại

1. Nội dung đánh giá nguy cơ xâm hại của loài ngoại lai bao gồm:

a) Thông tin về loài: tên tiếng Việt, tên khoa học, tên tiếng Anh, mô tả đặc điểm hình thái của loài;

b) Đặc điểm khí hậu nơi phát sinh nguồn gốc hoặc nơi loài đã thiết lập quần thể;

c) Lịch sử xâm hại của loài trên thế giới và ở Việt Nam;

d) Các đặc điểm của loài có nguy cơ ảnh hưởng bất lợi đến môi trường, đa dạng sinh học và sức khỏe con người;

đ) Đặc điểm sinh sản, cơ chế phát tán và các đặc tính về khả năng chống chịu của loài với các điều kiện môi trường.

2. Tiêu chí xác định loài ngoại lai xâm hại:

Loài ngoại lai xâm hại là loài ngoại lai đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Đang lấn chiếm nơi sinh sống, cạnh tranh thức ăn hoặc gây hại đối với các sinh vật bản địa, phát tán mạnh hoặc gây mất cân bằng sinh thái tại nơi chúng xuất hiện và phát triển ở Việt Nam;

b) Được đánh giá là có nguy cơ xâm hại cao đối với đa dạng sinh học và được ghi nhận là xâm hại ở khu vực có khí hậu tương đồng với Việt Nam hoặc qua khảo nghiệm, thử nghiệm có biểu hiện xâm hại.

3. Tiêu chí xác định loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại:

Loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại là loài ngoại lai đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Có khả năng phát triển và lan rộng nhanh, có biểu hiện cạnh tranh thức ăn, môi trường sống và có khả năng gây hại đến các loài sinh vật bản địa của Việt Nam;

- b) Được ghi nhận là xâm hại tại khu vực có khí hậu tương đồng với Việt Nam;
 c) Được đánh giá là có nguy cơ xâm hại cao đối với đa dạng sinh học của Việt Nam.

Điều 2. Danh mục loài ngoại lai xâm hại và Danh mục loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại

1. Danh mục loài ngoại lai xâm hại quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Danh mục loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Sửa đổi, bổ sung Danh mục loài ngoại lai xâm hại và Danh mục loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, thẩm định loài ngoại lai xâm hại và loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại theo các tiêu chí quy định tại Điều 1 Thông tư này;

b) Căn cứ kết quả thẩm định, Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung và ban hành Danh mục loài ngoại lai xâm hại và Danh mục loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 02 năm 2019.

2. Thông tư liên tịch số 27/2013/TTLT-BTNMT-BNNPTNT ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chí xác định loài ngoại lai xâm hại và ban hành Danh mục loài ngoại lai xâm hại hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Công Thông tin điện tử của Bộ TN&MT;
- Công báo, Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu VT, PC, TCMT.

KT. BỘ TRƯỞNG

TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 97/SY-UBND

Bình Định, ngày 28 tháng 01 năm 2019

Nơi nhận:

- CT, PCT Trần Châu;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- K10;
- Lưu: VT (05b).



Nguyễn Thái Bình



Phụ lục 1

DANH MỤC LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

| STT | Tên Việt Nam | Tên khoa học |
|-------------------------------------|---|---|
| A. Vi sinh vật | | |
| 1 | Nấm gây bệnh thối rễ | <i>Phytophthora cinnamomi</i> |
| 2 | Vi khuẩn gây bệnh dịch hạch ở chuột và động vật | <i>Yersinia pestis</i> |
| 3 | Vi-rút gây bệnh chùn ngọn chuối | <i>Banana bunchy top virus</i> |
| 4 | Vi-rút gây bệnh cúm gia cầm | <i>Avian influenza virus</i> |
| B. Động vật không xương sống | | |
| 1 | Bọ cánh cứng hại lá dừa | <i>Brontispa longissima</i> |
| 2 | Ốc bươu vàng | <i>Pomacea canaliculata</i> |
| 3 | Ốc sên châu Phi | <i>Achatina fulica</i> |
| 4 | Tôm càng đỏ | <i>Cherax quadricarinatus</i> |
| C. Cá | | |
| 1 | Cá ăn muỗi | <i>Gambusia affinis</i> |
| 2 | Cá tỳ bà bé (cá dọn bể bé) | <i>Hypostomus plecostomus</i> |
| 3 | Cá tỳ bà lớn (cá dọn bể lớn) | <i>Pterygoplichthys pardalis</i> <i>Pterygoplichthys multiradiatus</i> <i>Pterygoplichthys disjunctivus</i> <i>Pterygoplichthys anisitsi</i> |
| D. Lưỡng cư - Bò sát | | |
| 1 | Rùa tai đỏ | <i>Trachemys scripta</i> |
| Đ. Chim - Thú | | |
| 1 | Hải ly Nam Mỹ | <i>Myocastor coypus</i> |
| E. Thực vật | | |
| 1 | Bèo tây (bèo Lục bình, bèo Nhật Bản) | <i>Eichhornia crassipes</i> |
| 2 | Cây ngũ sắc (bông ổi) | <i>Lantana camara</i> |
| 3 | Cỏ lào | <i>Chromolaena odorata</i> |
| 4 | Cúc liên chi | <i>Parthenium hysterophorus</i> |
| 5 | Trinh nữ móc | <i>Mimosa diplotricha</i> |
| 6 | Trinh nữ thân gỗ (mai dương) | <i>Mimosa pigra</i> |

Phụ lục 2

DANH MỤC LOÀI NGOẠI LAI CÓ NGUY CƠ XÂM HẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

| STT | Tên Việt Nam | Tên khoa học |
|-------------------------------------|-------------------------------------|--|
| A. Động vật không xương sống | | |
| 1 | Bướm trắng Mỹ | <i>Hyphantria cunea</i> |
| 2 | Cua xanh (cua ven bờ châu Âu) | <i>Carcinus maenas</i> |
| 3 | Giáp xác râu ngành pengoi | <i>Cercopagis pengoi</i> |
| 4 | Kiến Ac-hen-ti-na | <i>Linepithema humile</i> |
| 5 | Kiến đầu to | <i>Pheidole megacephala</i> |
| 6 | Kiến lửa đỏ nhập khẩu (kiến lửa đỏ) | <i>Solenopsis invicta</i> |
| 7 | Mọt cứng đốt | <i>Trogoderma granarium</i> |
| 8 | Mọt đục hạt lớn | <i>Prostephanus truncatus</i> |
| 9 | Ruồi đục quả châu Úc | <i>Bactrocera tryoni</i> |
| 10 | Ruồi đục quả Địa Trung Hải | <i>Ceratitis capitata</i> |
| 11 | Ruồi đục quả Mê-hi-cô | <i>Anastrepha ludens</i> |
| 12 | Ruồi đục quả Nam Mỹ | <i>Anastrepha fraterculus</i> |
| 13 | Ruồi đục quả Natal | <i>Ceratitis rosa</i> |
| 14 | Sán ốc sên | <i>Platydemus manokwari</i> |
| 15 | Sao biển nam Thái Bình Dương | <i>Asterias amurensis</i> |
| 16 | Sên sói tía | <i>Euglandina rosea</i> |
| 17 | Sứa lược Leidy | <i>Mnemiopsis leidyi</i> |
| 18 | Tôm hùm nước ngọt | <i>Procambarus clarkii</i> |
| 19 | Trai Địa Trung Hải | <i>Mytilus galloprovincialis</i> |
| 20 | Trai Trung Hoa | <i>Potamocorbula amurensis</i> |
| 21 | Trai vằn | <i>Dreissena polymorpha</i> |
| 22 | Tuyến trùng hại thông | <i>Bursaphelenchus xylophilus</i> |
| 23 | Xén tóc hại gỗ châu Á | <i>Anoplophora glabripennis</i> |
| B. Cá | | |
| 1 | Cá chim trắng toàn thân | <i>Piaractus brachipomus</i> (<i>Colossoma brachipomum</i>) |
| 2 | Cá hổ | <i>Pygocentrus nattereri</i> |
| 3 | Cá hồi nâu | <i>Salmo trutta</i> |

| | | |
|---------------------------|---|--------------------------------|
| 4 | Cá hoàng đế | <i>Cichla ocellaris</i> |
| 5 | Cá rô phi đen | <i>Oreochromis mossambicus</i> |
| 6 | Cá trê phi | <i>Clarias gariepinus</i> |
| 7 | Cá vược miệng bé | <i>Micropterus dolomieu</i> |
| 8 | Cá vược miệng rộng | <i>Micropterus salmoides</i> |
| 9 | Cá vược sông Nile | <i>Lates niloticus</i> |
| C. Lưỡng Cư-Bò sát | | |
| 1 | Ếch ương beo | <i>Rana catesbeiana</i> |
| 2 | Cóc mía | <i>Bufo marinus</i> |
| 3 | Ếch Ca-ri-bê | <i>Eleutherodactylus coqui</i> |
| 4 | Rắn nâu leo cây | <i>Boiga irregularis</i> |
| D. Chim - Thú | | |
| 1 | Chồn ecmin | <i>Mustela erminea</i> |
| 2 | Dê hircus (dê) | <i>Capra hircus</i> |
| 3 | Sóc nâu, sóc xám | <i>Sciurus carolinensis</i> |
| 4 | Thú opôt | <i>Trichosurus vulpecula</i> |
| Đ. Thực vật | | |
| 1 | Bèo tai chuột lớn | <i>Salvinia molesta</i> |
| 2 | Cây cúc leo | <i>Mikania micrantha</i> |
| 3 | Cây cứt lợn (cỏ cứt heo) | <i>Ageratum conyzoides</i> |
| 4 | Cây hoa Tulip châu Phi (cây Uất kim hương châu Phi) | <i>Spathodea campanulata</i> |
| 5 | Cây chân châu tía | <i>Lythrum salicaria</i> |
| 6 | Cây cúc bò (cúc xuyên chi) | <i>Sphagneticola trilobata</i> |
| 7 | Cây dương Prosopis | <i>Prosopis glandulosa</i> |
| 8 | Cây kim tước | <i>Ulex europaeus</i> |
| 9 | Cây Miconia | <i>Miconia calvescens</i> |
| 10 | Cây thánh liễu | <i>Tamarix ramosissima</i> |
| 11 | Cây xương rồng đất | <i>Opuntia stricta</i> |
| 12 | Cây keo giậu | <i>Leucaena leucocephala</i> |
| 13 | Cây lược vàng | <i>Callisia fragrans</i> |
| 14 | Cỏ echin | <i>Cenchrus echinatus</i> |
| 15 | Cỏ kê Guinea | <i>Urochloa maxima</i> |
| 16 | Cỏ kê Para | <i>Urochloa mutica</i> |
| 17 | Cỏ nước lợ | <i>Paspalum vaginatum</i> |

| | | |
|----|--------------------------|--|
| 18 | Cỏ lão đỏ | <i>Ageratina adenophora</i> (<i>Eupatorium adenophorum</i>) |
| 19 | Chút chút nhật | <i>Fallopia japonica</i> |
| 20 | Gừng dại (ngải tiên dại) | <i>Hedychium gardnerianum</i> |
| 21 | Rong lá ngò | <i>Cabomba caroliniana</i> |